

HƯỚNG DẪN

Một số nội dung cụ thể về công tác quy hoạch cán bộ

Căn cứ Quy định số 11-QĐ/TU, ngày 20/4/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác quy hoạch cán bộ, Ban Tổ chức Tỉnh ủy hướng dẫn một số nội dung cụ thể về công tác quy hoạch cán bộ như sau:

I- MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN QUAN TÂM TRONG THỰC HIỆN CÔNG TÁC QUY HOẠCH CÁN BỘ

1- Quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý phải xuất phát từ tình hình thực tế đội ngũ cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị trong từng nhiệm kỳ và định hướng nhiệm kỳ kế tiếp; đồng thời, gắn kết chặt chẽ với các khâu khác trong công tác cán bộ. Bảo đảm sự lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng và tập thể lãnh đạo có thẩm quyền, nguyên tắc tập trung dân chủ, công bằng, công tâm, khách quan, công khai, minh bạch.

2- Rà soát, đánh giá nguồn cán bộ và cán bộ trước khi đưa vào quy hoạch

Các cấp ủy, tổ chức đảng, địa phương, cơ quan, đơn vị phải tiến hành rà soát, đánh giá nguồn cán bộ và cán bộ theo yêu cầu sau:

- Về rà soát, đánh giá nguồn cán bộ: Trên cơ sở tình hình đội ngũ cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị trong nhiệm kỳ và định hướng nhiệm kỳ tiếp theo; chỉ đạo rà soát, đánh giá nguồn cán bộ đương nhiệm theo cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện để chuẩn bị nguồn nhân sự trước khi tiến hành công tác quy hoạch cán bộ.

- Đánh giá cán bộ theo các tiêu chí sau:

+ Phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, ý thức tổ chức, kỷ luật và việc thực hiện các quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên.

+ Năng lực công tác: Kết quả, hiệu quả công việc; mức độ hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao.

+ Uy tín: Kết quả đánh giá cán bộ hằng năm của cấp có thẩm quyền và kết quả lấy phiếu tín nhiệm theo quy định (nếu có).

+ Chiều hướng, triển vọng phát triển: Khả năng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ theo chức danh quy hoạch.

3- Thực hiện phương châm quy hoạch “động” và “mở”

- Quy hoạch “động” là định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh để đưa ra khỏi quy hoạch những cán bộ không còn đủ tiêu chuẩn, điều kiện, không hoàn thành

nhiệm vụ, vi phạm quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước hoặc uy tín thấp và kịp thời bổ sung vào quy hoạch những cán bộ có phẩm chất, năng lực, uy tín, triển vọng phát triển.

- Quy hoạch “mở” được hiểu là không khép kín trong từng địa phương, cơ quan, đơn vị mà cần mở rộng nguồn cán bộ từ nơi khác để đưa vào quy hoạch những cán bộ đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện và yêu cầu nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị.

4- Không thực hiện đồng thời quy trình bổ sung quy hoạch với quy trình bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử vào một chức danh lãnh đạo, quản lý. Việc thực hiện quy trình bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử vào chức danh quy hoạch chỉ được thực hiện sau khi phê duyệt quy hoạch ít nhất 3 tháng.

5- Coi trọng chất lượng, không vì số lượng, cơ cấu mà hạ thấp tiêu chuẩn; đồng thời, quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và có biện pháp hiệu quả để phấn đấu thực hiện cơ cấu ba độ tuổi (khoảng cách giữa các độ tuổi là 5 năm), tỷ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số trong quy hoạch cấp ủy, các chức danh lãnh đạo, quản lý.

II- MỘT SỐ NỘI DUNG CỤ THỂ

1- Trách nhiệm và thẩm quyền phê duyệt quy hoạch

1.1. Ban Cán sự đảng UBND tỉnh

- Hướng dẫn, thẩm định, trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy (*qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy*) phê duyệt quy hoạch cán bộ đối với các chức danh: Cấp trưởng, cấp phó các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Giám đốc, phó giám đốc Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; Trưởng các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên công ty TNHH một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (xếp hạng I) trực thuộc UBND tỉnh.

- Hướng dẫn, thẩm định, trình Thường trực Tỉnh ủy (*qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy*) cho ý kiến trước khi phê duyệt quy hoạch cán bộ đối với các chức danh: Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên công ty TNHH một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (xếp hạng II, III) trực thuộc UBND tỉnh; Phó các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh (trừ Phó giám đốc Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh); Cấp trưởng, cấp phó Quỹ đầu tư và phát triển, Hội Chữ thập đỏ, Liên minh Hợp tác xã; Liên hiệp các Hội khoa học và Kỹ thuật, Hội Nhà báo, Hội Luật gia, Hội Văn học nghệ thuật tỉnh.

- Phê duyệt quy hoạch cán bộ đối với các chức danh: Cấp trưởng, cấp phó: Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh; Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh; Ban quản lý dự án đầu tư công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh; Ban quản lý dự án đầu tư công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh. Cấp phó: Ban Tiếp công dân, Văn phòng Điều phối nông thôn mới.

- Giao Sở Nội vụ phê duyệt quy hoạch cán bộ đối với các chức danh: Trưởng, phó các phòng, ban và tương đương của các cơ quan, đơn vị trực thuộc sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh.

1.2. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh:

- Xây dựng, báo cáo và trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy (qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy) phê duyệt quy hoạch các chức danh: Chánh, phó Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh; Trưởng, phó các Ban của HĐND tỉnh.

- Giao Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh tham mưu cho Đảng đoàn HĐND tỉnh phê duyệt quy hoạch các chức danh: Trưởng, phó các phòng và tương đương trực thuộc Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh.

1.3. Ban Thường vụ huyện ủy, thành ủy:

- Xây dựng, báo cáo và trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy (qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy) phê duyệt quy hoạch các chức danh: Ủy viên Ban Thường vụ, Bí thư, phó Bí thư huyện ủy, thành ủy; Chủ tịch, phó Chủ tịch HĐND, UBND huyện, thành phố.

- Phê duyệt quy hoạch các chức danh: Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ huyện, thành phố; Trưởng, phó các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc huyện ủy, thành ủy (gọi chung là: các ban đảng), Trung tâm chính trị huyện, thành phố; ủy viên Ủy ban Kiểm tra huyện ủy, thành ủy; Trưởng, phó các ban của HĐND huyện, thành phố; Trưởng, phó Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội, các phòng, ban, cấp huyện; Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Bí thư, phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch, phó Chủ tịch HĐND, UBND xã, phường, thị trấn; Trưởng, phó các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND huyện, thành phố và các chức danh khác theo phân cấp quản lý cán bộ. Hiệp y quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý các cơ quan, đơn vị thuộc ngành dọc đóng trên địa bàn huyện, thành phố.

Lưu ý: Các đơn vị trực thuộc các cơ quan ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn các huyện, thành phố phải trao đổi với các huyện ủy, thành ủy và có ý kiến hiệp y của huyện ủy, thành ủy trước khi đề nghị phê duyệt quy hoạch.

1.4. Ban Thường vụ các Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy:

- Xây dựng, báo cáo và trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy (qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy) phê duyệt quy hoạch các chức danh: Ủy viên Ban Thường vụ, Bí thư, phó Bí thư Đảng ủy.

- Phê duyệt quy hoạch các chức danh: Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ; Chủ nhiệm, phó chủ nhiệm, ủy viên Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy; Trưởng, phó các ban và tương đương trực thuộc Đảng ủy và các chức danh khác theo phân cấp quản lý cán bộ.

1.5. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội cấp tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh Đoàn:

- Xây dựng, báo cáo và trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy (qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy) phê duyệt quy hoạch các chức danh: Trưởng, phó Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội cấp tỉnh.

- Xây dựng và đề xuất Ban Tổ chức Tỉnh ủy phê duyệt quy hoạch các chức danh: Trưởng, phó các phòng, ban và tương đương, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc.

- Phê duyệt quy hoạch các chức danh: Trưởng, phó các phòng, ban và tương đương thuộc các đơn vị sự nghiệp trực thuộc.

1.6. Tập thể lãnh đạo và cấp ủy: các ban Đảng của Tỉnh ủy, Trường chính trị tỉnh, Báo Lâm Đồng:

- Xây dựng, báo cáo và trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy (qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy) phê duyệt quy hoạch các chức danh: Trưởng, phó các ban Đảng của Tỉnh ủy; Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy; Tổng biên tập, Phó tổng biên tập Báo Lâm Đồng; Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng Trường chính trị tỉnh.

- Xây dựng quy hoạch và đề xuất Ban Tổ chức Tỉnh ủy phê duyệt quy hoạch các chức danh: Trưởng, phó các phòng, đơn vị trực thuộc các ban Đảng của Tỉnh ủy; Báo Lâm Đồng, Trường chính trị tỉnh.

- Xây dựng, thẩm định, trình Ban Thường vụ Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh phê duyệt quy hoạch các chức danh: Chi ủy viên, ủy viên ban thường vụ, bí thư, phó bí thư cấp ủy cơ sở.

1.7. Tập thể lãnh đạo và cấp ủy: Văn phòng UBND tỉnh, các sở, ban, ngành cấp tỉnh, đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh:

- Xây dựng và báo cáo Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh xem xét, trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy phê duyệt quy hoạch các chức danh: Trưởng, phó các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chánh, phó Văn phòng UBND tỉnh; Trưởng các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh.

- Xây dựng và báo cáo Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch các chức danh: Cấp phó các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh.

- Xây dựng quy hoạch và đề xuất Sở Nội vụ phê duyệt quy hoạch đối với các chức danh: Trưởng, phó các phòng (ban) cơ quan, đơn vị sự nghiệp trực thuộc sở, ban, ngành cấp tỉnh và đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh.

- Phê duyệt quy hoạch các chức danh: Trưởng, phó các phòng (ban) và tương đương thuộc các đơn vị sự nghiệp trực thuộc.

- Xây dựng, thẩm định, trình Ban Thường vụ Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh phê duyệt quy hoạch các chức danh: Chi ủy viên, ủy viên ban thường vụ, bí thư, phó bí thư cấp ủy cơ sở.

1.8. Đảng ủy xã, phường, thị trấn:

- Xây dựng, báo cáo và trình Ban Thường vụ huyện ủy, thành ủy phê duyệt quy hoạch các chức danh: Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy xã, phường, thị trấn; Bí thư, phó bí thư Đảng ủy; Chủ tịch, phó chủ tịch HĐND, UBND xã, phường, thị trấn.

- Xây dựng và phê duyệt quy hoạch các chức danh: Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy; Trưởng, phó Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội xã, phường, thị trấn.

- Cho ý kiến về nhân sự quy hoạch đối với các chức danh trưởng, phó các trường Mẫu giáo, Tiểu học, Trung học cơ sở trên địa bàn xã, phường, thị trấn.

1.9. Cấp ủy, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty TNHH một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ trực thuộc UBND tỉnh:

- Xây dựng và báo cáo Ban cán sự Đảng UBND tỉnh trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy (qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy) xem xét phê duyệt quy hoạch các chức danh: Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên công ty TNHH một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ trực thuộc UBND tỉnh (hạng I).

- Xây dựng và trình Ban cán sự Đảng UBND tỉnh xem xét phê duyệt quy hoạch các chức danh: Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên công ty TNHH một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ trực thuộc UBND tỉnh (hạng II, III).

- Xây dựng và phê duyệt quy hoạch các chức danh: Giám đốc, phó giám đốc, kế toán trưởng công ty sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của UBND tỉnh.

- Phê duyệt quy hoạch các chức danh: Trưởng, phó các phòng, ban và tương đương trực thuộc công ty.

- Xây dựng, thẩm định, trình Ban Thường vụ Đảng ủy Khối Doanh nghiệp tỉnh phê duyệt quy hoạch các chức danh: Chi ủy viên, ủy viên ban thường vụ, bí thư, phó bí thư cấp ủy cơ sở.

2- Thời gian thẩm định, phê duyệt quy hoạch

Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ khi nhận được tờ trình, hồ sơ nhân sự cấp có thẩm quyền phải xem xét, phê duyệt quy hoạch theo thẩm quyền. Trường hợp cần thiết, cấp có thẩm quyền có thể kéo dài thời gian nhưng không được quá 15 ngày làm việc.

2.1. Đối với quy hoạch lần đầu

- Các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội cấp tỉnh; các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy, UBND tỉnh; các phòng, ban (tương đương), Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội, cơ quan, đơn vị sự nghiệp cấp huyện; xã, phường, thị trấn: *thực hiện trong tháng 5 và tháng 6/2022.*

- Cấp huyện; các Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy: *thực hiện trong tháng 7 và tháng 8/2022.*

- Cấp tỉnh: *thực hiện trong tháng 9 và tháng 10/2022 (Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; Bí thư, Phó Bí thư; Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND, UBND; Trưởng, Phó Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội).*

2.2. Đối với rà soát, bổ sung quy hoạch nhiệm kỳ 2020-2025, 2021-2026; nhiệm kỳ 2025-2030, 2026-2031.

Trên cơ sở kết quả rà soát, bổ sung quy hoạch hàng năm và quy hoạch lần đầu, hàng năm các địa phương, cơ quan, đơn vị tiến hành rà soát, bổ sung, điều chỉnh quy hoạch theo tiến độ sau:

+ Xã, phường, thị trấn: thực hiện xong trong tháng 01.

+ Cấp huyện; các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy, UBND tỉnh: thực hiện xong trong tháng 02.

+ Cấp tỉnh: thực hiện xong trong tháng 3.

* *Lưu ý:* Đối với rà soát, bổ sung quy hoạch năm 2022 của nhiệm kỳ 2020-2025, 2021-2026 các địa phương, cơ quan, đơn vị có thể kết hợp thực hiện cùng với công tác quy hoạch lần đầu.

3- Quy hoạch chức danh cao hơn

Chỉ quy hoạch cán bộ vào chức danh cao hơn, không quy hoạch chức vụ đang đảm nhiệm.

Ví dụ:

- Đồng chí Nguyễn Văn A hiện là Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy nhiệm kỳ 2020-2025, khi quy hoạch nhiệm kỳ 2025-2030 sẽ không giới thiệu đồng chí Nguyễn Văn A vào quy hoạch chức danh Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy; nếu đồng chí có đủ tiêu chuẩn, điều kiện, thì giới thiệu vào danh sách quy hoạch chức danh Phó Bí thư hoặc Bí thư Huyện ủy nhiệm kỳ 2025-2030.

- Đồng chí Nguyễn Văn B hiện là Giám đốc Sở nhiệm kỳ 2021-2026, khi quy hoạch nhiệm kỳ 2026-2031 sẽ không giới thiệu đồng chí Nguyễn Văn B vào quy hoạch chức danh Giám đốc sở; nếu đồng chí đủ tiêu chuẩn, điều kiện, thì giới thiệu vào quy hoạch chức danh Phó chủ tịch UBND tỉnh nhiệm kỳ 2026-2031 hoặc chức danh khác cao hơn chức danh đang đảm nhiệm.

4- Quy hoạch cấp ủy gắn với quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý

Lấy quy hoạch các chức danh cấp ủy làm cơ sở để quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý, bảo đảm đồng bộ với các chủ trương, quy định của Đảng về bố trí cán bộ.

Ví dụ:

- Đồng chí Nguyễn Văn D, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhiệm kỳ 2020-2025, nếu được giới thiệu quy hoạch chức danh Phó Bí thư Tỉnh ủy nhiệm kỳ 2025-2030 và đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện, thì có thể xem xét, giới thiệu quy hoạch hai trong ba chức danh: Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND tỉnh nhiệm kỳ 2026 - 2031, Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội khóa XVI.

- Đồng chí Nguyễn Văn C, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020-2025, nếu đủ tiêu chuẩn, điều kiện, thì xem xét, giới thiệu quy hoạch chức danh Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhiệm kỳ 2025-2030 và có thể xem xét, giới thiệu quy hoạch tối đa ba chức danh: Phó Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch UBND tỉnh nhiệm kỳ 2026-2031, trưởng ban Đảng của tỉnh ủy hoặc chức danh lãnh đạo, quản lý khác theo quy định.

5- Phương pháp và thời điểm quy hoạch

Xây dựng quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ kế tiếp được thực hiện một lần vào năm thứ hai của nhiệm kỳ đại hội đảng bộ các cấp, đại hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội. Hằng năm tiến hành rà soát, bổ sung quy hoạch của nhiệm kỳ hiện tại và nhiệm kỳ kế tiếp trong quý I và báo cáo kết quả phê duyệt quy hoạch trong quý II, chậm nhất tháng 6; trường hợp rà soát, bổ sung quy hoạch lần thứ 2 trong năm phải báo cáo ít nhất sau 30 ngày kể từ ngày được cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt quy hoạch.

Đối với các tổ chức hội, đoàn thể nhân dân khác được Đảng, Nhà nước giao biên chế, việc xây dựng quy hoạch đầu nhiệm kỳ và rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cũng thực hiện tương tự như Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội.

6- Về tiêu chuẩn, điều kiện

Tại thời điểm xem xét, phê duyệt quy hoạch, nhân sự phải cơ bản đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- Về trình độ chuyên môn: Phải có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ tương ứng với chức danh bổ nhiệm.

- Về trình độ lý luận chính trị:

- + Cán bộ quy hoạch các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý phải đáp ứng tiêu chuẩn lý luận chính trị tương ứng của chức danh bổ nhiệm.

- + Cán bộ quy hoạch các chức danh còn lại: Đối tượng 1 phải đáp ứng tiêu chuẩn lý luận chính trị tương ứng của chức danh bổ nhiệm; đối tượng 2 có thể chưa bảo đảm tiêu chuẩn lý luận chính trị nhưng sau khi được quy hoạch phải có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để hoàn thiện tiêu chuẩn lý luận chính trị theo quy định.

- Chưa nhất thiết phải đáp ứng ngay các tiêu chuẩn: Kinh qua chức vụ lãnh đạo, quản lý cấp dưới, trình độ quản lý nhà nước...

Ví dụ:

- + Đối với quy hoạch chức danh phó các ban Đảng tỉnh, tại thời điểm xem xét quy hoạch, nhân sự không nhất thiết phải đáp ứng đầy đủ một số tiêu chuẩn sau: *Đã kinh qua và hoàn thành tốt nhiệm vụ ở một trong các chức vụ (Trưởng, phó các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; lãnh đạo chủ chốt cấp huyện; phó chủ tịch HĐND, UBND cấp huyện; Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy; trưởng phòng, phó phòng, chuyên viên có kinh nghiệm công tác và thành tích nổi trội (đối với những bộ phận, cơ quan thực hiện chế độ chuyên viên) thuộc các ban của Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy và Văn phòng UBND tỉnh); ủy viên ban thường vụ là trưởng các ban của huyện ủy, thành ủy; giữ ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương trở lên.*

- + Đối với quy hoạch chức danh Giám đốc sở, tại thời điểm xem xét quy hoạch, nhân sự không nhất thiết phải đáp ứng đầy đủ một số tiêu chuẩn sau: *Hoàn thành tốt nhiệm vụ ở chức vụ: Cấp phó các ban của Tỉnh ủy; phó các sở, ban,*

ngành và tương đương trở lên; Phó Chủ tịch UBNDTTQ và phó các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh; lãnh đạo chủ chốt cấp huyện; giữ ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương trở lên.

+ Đối với quy hoạch chức danh Phó bí thư huyện ủy, thành ủy, tại thời điểm xem xét quy hoạch, nhân sự không nhất thiết phải đáp ứng đầy đủ một số tiêu chuẩn sau: *Đã kinh qua lãnh đạo chủ chốt cấp xã; đang tham gia ban thường vụ cấp ủy cấp huyện và hoàn thành tốt nhiệm vụ ở một trong các chức danh, chức vụ: Phó chủ tịch HĐND, UBND cấp huyện; trưởng các ban đảng cấp huyện; chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp huyện; giữ ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương trở lên.*

7- Phương pháp tính tuổi quy hoạch

Tuổi quy hoạch được xác định theo tinh thần Kết luận số 08-KL/TW, ngày 15/6/2021 của Bộ Chính trị về tuổi bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử và Hướng dẫn số 06-HD/BTCTW, ngày 26/7/2021 của Ban Tổ chức Trung ương, cụ thể như sau:

- Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp bằng tuổi nghỉ hưu thực tế của cán bộ theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP, ngày 18/11/2020 của Chính phủ trừ đi tuổi của cán bộ tại thời điểm tính tuổi theo quy định phải còn ít nhất 01 nhiệm kỳ công tác (60 tháng) đối với đối tượng 1 và còn ít nhất 02 nhiệm kỳ (120 tháng) đối với đối tượng 2.

Thời điểm tính tuổi: Kế thừa cách tính thời điểm được quy định tại Chỉ thị số 35-CT/TW, ngày 30/5/2019 của Bộ Chính trị, cụ thể:

+ Thời điểm tính tuổi quy hoạch các chức danh lãnh đạo cấp ủy nhiệm kỳ 2025-2030: Cấp xã tháng 4/2025, cấp huyện tháng 6/2025, cấp tỉnh tháng 9/2025.

+ Thời điểm tính tuổi quy hoạch các chức danh lãnh đạo các cơ quan Nhà nước nhiệm kỳ 2026-2031: Tháng 5/2026.

+ Thời điểm tính tuổi quy hoạch các chức danh lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội của nhiệm kỳ kế tiếp được xác định theo thời điểm đại hội các cấp của mỗi tổ chức nhiệm kỳ hiện tại cộng với 5 năm (60 tháng).

- Tuổi rà soát, bổ sung quy hoạch cho nhiệm kỳ hiện tại bằng tuổi nghỉ hưu thực tế của cán bộ theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP, ngày 18/11/2020 của Chính phủ trừ đi tuổi của cán bộ tại thời điểm rà soát, bổ sung quy hoạch phải còn ít nhất 72 tháng (06 năm) đối với đối tượng 1 và còn ít nhất 02 nhiệm kỳ (120 tháng) đối với đối tượng 2.

- Đối với cán bộ nữ thuộc đối tượng được nghỉ hưu ở độ tuổi cao hơn theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thì tuổi quy hoạch được xác định theo độ tuổi được quy định và thực hiện như phương pháp nêu trên.

- Đối với cán bộ quy hoạch chức vụ cấp trưởng, cấp phó Liên hiệp các Hội khoa học và Kỹ thuật, Hội Nhà báo, Hội Luật gia, Hội Văn học nghệ thuật tỉnh thực hiện theo hướng dẫn của Trung ương và điều lệ Hội.

(Có Phụ lục 1 về xác định tuổi quy hoạch đối với các chức danh cụ thể kèm theo).

8- Về hệ số, số lượng chức danh quy hoạch

- Hệ số quy hoạch cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp từ 1,0 - 1,5 lần so với số lượng theo quy định.

Ví dụ: Đảng bộ huyện A được xác định số lượng ủy viên ban chấp hành là 50 đồng chí; ủy viên ban thường vụ là 15 đồng chí; số lượng ủy viên ủy ban kiểm tra là 9 đồng chí. Số lượng quy hoạch tối đa sẽ là: (1) Ủy viên ban chấp hành: 50 đồng chí nhân với hệ số 1,5 thì tối đa là 75 người; (2) Ủy viên ban thường vụ: 15 đồng chí nhân với hệ số 1,5 thì tối đa là 22,5 người, làm tròn thành 23 người; (3) Ủy viên Ủy ban Kiểm tra: 9 đồng chí nhân với hệ số 1,5 thì tối đa là 13,5 người, làm tròn thành 14 người.

- Số lượng chức danh quy hoạch lãnh đạo, quản lý:

+ Một chức danh lãnh đạo, quản lý quy hoạch không quá 3 cán bộ.

Ví dụ: Theo quy định, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy A có 3 phó trưởng ban, số lượng quy hoạch tối đa sẽ là: 3 đồng chí nhân với 3 thì tối đa là 9 người.

+ Một cán bộ quy hoạch không quá 3 chức danh ở cùng một cấp phê duyệt quy hoạch (không bao gồm chức danh ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ, ủy viên ủy ban kiểm tra cấp ủy các cấp).

Ví dụ:

- Đồng chí Nguyễn Văn A, Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Trưởng Ban Tuyên giáo Huyện ủy nhiệm kỳ 2020-2025 được giới thiệu quy hoạch tối đa 3 chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định phê duyệt quy hoạch (Bí thư, Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch HĐND huyện... nhưng tối đa không quá 3 chức danh).

- Đồng chí Nguyễn Văn B, Giám đốc sở được giới thiệu quy hoạch tối đa 3 chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định phê duyệt quy hoạch (Phó chủ tịch HĐND tỉnh, Phó chủ tịch UBND tỉnh; Trưởng các ban Đảng ... nhưng tối đa không quá 3 chức danh).

9- Quy trình quy hoạch

Hội nghị cán bộ chủ chốt (bước 3 của quy trình xây dựng quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ kế tiếp từ nguồn nhân sự tại chỗ và bước 2 của quy trình rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm từ nguồn nhân sự tại chỗ) chỉ được tiến hành khi có ít nhất 2/3 số người được triệu tập có mặt.

10- Các trường hợp đương nhiên ra khỏi quy hoạch:

Cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch ban hành quyết định đưa cán bộ đó ra khỏi quy hoạch không phải thực hiện quy trình bỏ phiếu theo quy định gồm: Cán bộ quá tuổi quy hoạch hoặc bị cấp có thẩm quyền thi hành kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên hoặc kết luận không bảo đảm tiêu chuẩn chính trị của chức danh quy hoạch hoặc chuyển công tác ra ngoài địa phương hoặc cán bộ đã từ trần. Trường hợp đưa ra khỏi quy hoạch vì lý do bị kỷ luật thì sau khi quyết định thi

hành kỷ luật hết hiệu lực theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, cấp có thẩm quyền có thể xem xét việc thực hiện quy trình quy hoạch theo quy định.

11- Đối tượng 1 của quy hoạch ban chấp hành đảng bộ tỉnh nêu tại Phụ lục 1B Quy định số 11-QĐ/TU, ngày 20/4/2022: Các đồng chí giữ chức vụ phó bí thư cấp ủy, phó các ban, cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cơ quan, đơn vị trực thuộc tỉnh mà được xác định là có cơ cấu ủy viên ban chấp hành đảng bộ thì không cần điều kiện phải được quy hoạch vào chức danh cấp trưởng tương ứng.

III- QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG QUY HOẠCH

1- Căn cứ vào kết quả phê duyệt quy hoạch, tiêu chuẩn, điều kiện đối với chức danh quy hoạch và yêu cầu, nhiệm vụ, các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng kế hoạch luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng, tạo điều kiện để cán bộ phấn đấu, rèn luyện, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh quy hoạch theo quy định.

2- Việc đào tạo, bồi dưỡng, điều động, luân chuyển, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử và sắp xếp, bố trí cán bộ phải căn cứ vào quy hoạch cán bộ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3- Định kỳ hằng năm, cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo việc rà soát, đánh giá chất lượng, cơ cấu nguồn cán bộ trong quy hoạch để kịp thời điều chỉnh, bổ sung quy hoạch theo quy định.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1- Điều khoản chuyển tiếp

- Đối với các trường hợp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch của nhiệm kỳ 2020-2025, 2021-2026, trước thời điểm ban hành Quy định số 11-QĐ/TU, ngày 20/4/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, thì quyết định quy hoạch vẫn còn giá trị.

- Đối với các trường hợp đã thực hiện xong quy trình rà soát, bổ sung nhưng chưa phê duyệt quy hoạch thì cấp có thẩm quyền phải rà soát, bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện, số lượng, hệ số theo Quy định số 11-QĐ/TU, ngày 20/4/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy trước khi xem xét phê duyệt quy hoạch.

2- Các cấp ủy, tổ chức đảng, lãnh đạo cơ quan, đơn vị trực thuộc Tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác quy hoạch cán bộ ở cấp mình và chỉ đạo, hướng dẫn cấp dưới xây dựng, thực hiện cho phù hợp với tình hình, yêu cầu thực tiễn, bảo đảm tổng thể, đồng bộ, chặt chẽ, dân chủ, công bằng, công tâm, khách quan, minh bạch, đúng theo Quy định số 11-QĐ/TU, ngày 20/4/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Hướng dẫn này và các quy định khác có liên quan.

3- Các nội dung quy định trước đây về công tác quy hoạch cán bộ nêu tại Kế hoạch số 28-KH/TU, ngày 21/4/2017, Công văn số 1654-CV/TU, ngày 12/6/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy không còn phù hợp với quy định số 11-QĐ/TU, ngày 20/4/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các văn bản hướng dẫn liên quan trước đây không còn hiệu lực.

4- Hướng dẫn này và các phụ lục kèm theo có hiệu lực từ ngày ký. *Meh*

Nơi nhận:

- Ban Tổ chức Trung ương,
- Vụ III - BTCTW,
- Các đồng chí UVBTV Tỉnh ủy,
- Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các Đảng đoàn, Ban Cán sự Đảng,
- Các ban đảng của Tỉnh ủy,
- Các sở, ban, ngành, Mặt trận tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội cấp tỉnh,
- Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND, các Công ty THHHMTV mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ,
- Các cơ quan TW đóng trên địa bàn tỉnh,
- Lưu: VPTU, BTCTU.

TRƯỞNG BAN



Nguyễn Trọng Ánh Đông



PHỤ LỤC 1

XÁC ĐỊNH TUỔI¹ ĐỐI VỚI CÁC CHỨC DANH QUY HOẠCH

(Kèm theo Hướng dẫn số **08** -HD/BTCTU, ngày **25**/4/2022

của Ban Tổ chức Tỉnh ủy)

I- Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp đối với đối tượng 1

1- Chức danh cấp ủy, lãnh đạo các ban, cơ quan của đảng, ủy ban kiểm tra các cấp nhiệm kỳ 2025-2030, 2026-2031

Chức danh cấp ủy, lãnh đạo các ban, cơ quan của Đảng, ủy ban kiểm tra các cấp	Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ 2025-2030	
	Nam	Nữ
Xã	Sinh từ tháng 4/1968 trở lại đây	Sinh từ tháng 01/1972 trở lại đây ²
Huyện	Sinh từ tháng 6/1968 trở lại đây	Sinh từ tháng 02/1972 trở lại đây ³
Tỉnh	Sinh từ tháng 9/1968 trở lại đây ⁴	Sinh từ tháng 5/1972 trở lại đây ⁵

¹ **Lưu ý:** (1) Đối với cán bộ nữ thuộc đối tượng được nghỉ hưu ở độ tuổi cao hơn theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thì tuổi quy hoạch được xác định theo độ tuổi được quy định. (2) Cán bộ nữ không thuộc đối tượng được nghỉ hưu ở độ tuổi cao hơn thì việc xác định tuổi quy hoạch tương ứng ở cột độ tuổi của nữ.

² **Ví dụ 1:** Đồng chí Nguyễn Thị A (nữ) sinh **tháng 01/1972**, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là **58 tuổi 4 tháng - 53 tuổi 3 tháng** (tuổi tại thời điểm đại hội cấp xã tháng 4/2025) = **5 năm 01 tháng** công tác (nếu tính sinh tháng 12).

³ **Ví dụ 2:** Đồng chí Nguyễn Thị B (nữ) sinh **tháng 02/1972**, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là **58 tuổi 4 tháng - 53 tuổi 4 tháng** (tuổi tại thời điểm đại hội cấp huyện tháng 6/2025) = **5 năm** công tác.

⁴ **Ví dụ 3:** Đồng chí Nguyễn Văn C (nam) sinh **tháng 9/1968**, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là **62 tuổi - 57 tuổi** (tuổi tại thời điểm đại hội cấp tỉnh tháng 9/2025) = **5 năm** công tác.

⁵ **Ví dụ 4:** Đồng chí Nguyễn Thị B (nữ) sinh **tháng 05/1972**, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là **58 tuổi 4 tháng - 53 tuổi 4 tháng** (tuổi tại thời điểm đại hội cấp tỉnh tháng 9/2025) = **5 năm** công tác.

2- Chức danh lãnh đạo, quản lý cơ quan nhà nước nhiệm kỳ 2026-2031

Chức danh lãnh đạo, quản lý cơ quan nhà nước các cấp (cùng một thời điểm)	Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ 2026-2031	
	Nam	Nữ
	Sinh từ tháng 5/1969 trở lại đây ⁶	Sinh từ tháng 9/1972 trở lại đây ⁷

3- Chức danh lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội (xác định theo thời điểm đại hội các cấp của mỗi tổ chức nhiệm kỳ hiện tại cộng với 60 tháng).

(1)- Chức danh lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nhiệm kỳ 2029-2034 (cấp xã tháng 3/2029, cấp huyện tháng 5/2029, cấp tỉnh tháng 7/2029).

Chức danh lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc các cấp	Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ 2029-2034	
	Nam	Nữ
Xã	Sinh từ tháng 3/1972 trở lại đây	Sinh từ tháng 9/1974 trở lại đây ⁸
Huyện	Sinh từ tháng 5/1972 trở lại đây ⁹	Sinh từ tháng 9/1974 trở lại đây ¹⁰
Tỉnh	Sinh từ tháng 7/1972 trở lại đây	Sinh từ tháng 11/1974 trở lại đây ¹¹

(2)- Chức danh lãnh đạo Hội Liên hiệp Phụ nữ nhiệm kỳ 2026-2031 (cấp xã tháng 4/2026, cấp huyện tháng 6/2026, cấp tỉnh tháng 9/2026).

Chức danh lãnh đạo Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp	Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ 2026-2031 (đối với cấp xã, huyện, tỉnh)
---	--

⁶ Ví dụ 7: Đồng chí Nguyễn Văn C (nam) sinh tháng 5/1969, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 62 tuổi - 57 tuổi (tuổi thực tế tại thời điểm bầu cử Quốc hội, HĐND tháng 5/2026) = 5 năm công tác.

⁷ Ví dụ 8: Đồng chí Nguyễn Thị B (nữ) sinh tháng 9/1972, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 58 tuổi 8 tháng - 53 tuổi 8 tháng (tuổi tại thời điểm bầu cử Quốc hội, HĐND tháng 5/2026) = 5 năm công tác.

⁸ Ví dụ 9: Đồng chí Nguyễn Thị N (nữ) sinh tháng 9/1974, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 59 tuổi 8 tháng - 54 tuổi 6 tháng (tuổi tại thời điểm đại hội cấp xã tháng 3/2029) = 5 năm 02 tháng công tác (nếu tính sinh tháng 8/1974, thì thiếu 03 tháng).

⁹ Ví dụ 10: Đồng chí Nguyễn Văn C (nam) sinh tháng 5/1972, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 62 tuổi - 57 tuổi (tuổi tại thời điểm đại hội cấp huyện tháng 5/2029) = 5 năm công tác.

¹⁰ Ví dụ 11: Đồng chí Nguyễn Thị M (nữ) sinh tháng 9/1974, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 59 tuổi 8 tháng - 54 tuổi 8 tháng (tuổi tại thời điểm đại hội cấp huyện tháng 5/2029) = 5 năm công tác.

¹¹ Ví dụ 12: Đồng chí Nguyễn Thị M (nữ) sinh tháng 11/1974, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 59 tuổi 8 tháng - 54 tuổi 8 tháng (tuổi tại thời điểm đại hội cấp tỉnh tháng 7/2029) = 5 năm công tác.

Xã	Sinh từ tháng 9/1972 trở lại đây ¹²
Huyện	Sinh từ tháng 10/1972 trở lại đây ¹³
Tỉnh	Sinh từ tháng 01/1973 trở lại đây ¹⁴

(3)- Chức danh lãnh đạo Liên đoàn Lao động nhiệm kỳ 2028-2033 (cấp xã tháng 6/2028, cấp huyện tháng 9/2028, cấp tỉnh tháng 11/2028).

Chức danh lãnh đạo Liên đoàn Lao động các cấp	Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ 2028-2033	
	Nam	Nữ
Xã	Sinh từ tháng 6/1971 trở lại đây	Sinh từ tháng 02/1974 trở lại đây ¹⁵
Huyện	Sinh từ tháng 9/1971 trở lại đây	Sinh từ tháng 5/1974 trở lại đây ¹⁶
Tỉnh	Sinh từ tháng 11/1971 trở lại đây	Sinh từ tháng 7/1974 trở lại đây ¹⁷

(4)- Chức danh lãnh đạo Hội Nông dân nhiệm kỳ 2028-2033 (cấp xã tháng 5/2028, cấp huyện tháng 6/2028, cấp tỉnh tháng 9/2028).

Chức danh lãnh đạo Hội Nông dân các cấp	Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ 2028-2033	
	Nam	Nữ
Xã	Sinh từ tháng 5/1971 trở lại đây	Sinh từ tháng 01/1974 trở lại đây ¹⁸

¹² Ví dụ 14: Đồng chí Nguyễn Thị N (nữ) sinh tháng 9/1972, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là **58 tuổi 8 tháng - 53 tuổi 7 tháng** (tuổi tại thời điểm đại hội cấp xã tháng 4/2026) = **5 năm 1 tháng** công tác (nếu tính sinh tháng 8/1972, thì thiếu 04 tháng).

¹³ Ví dụ 15: Đồng chí Nguyễn Thị N (nữ) sinh tháng 10/1972, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là **58 tuổi 8 tháng - 53 tuổi 8 tháng** (tuổi tại thời điểm đại hội cấp huyện tháng 6/2026) = **5 năm** công tác.

¹⁴ Ví dụ 16: Đồng chí Nguyễn Thị N (nữ) sinh tháng 01/1973, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là **58 tuổi 8 tháng - 53 tuổi 8 tháng** (tuổi tại thời điểm đại hội cấp tỉnh tháng 9/2026) = **5 năm** công tác.

¹⁵ Ví dụ 18: Đồng chí Nguyễn Thị T (nữ) sinh tháng 02/1974, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là **59 tuổi 4 tháng - 54 tuổi 4 tháng** (tuổi tại thời điểm đại hội cấp xã tháng 6/2028) = **5 năm** công tác.

¹⁶ Ví dụ 19: Đồng chí Nguyễn Thị T (nữ) sinh tháng 5/1974, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là **59 tuổi 4 tháng - 54 tuổi 4 tháng** (tuổi tại thời điểm đại hội cấp huyện tháng 9/2028) = **5 năm** công tác.

¹⁷ Ví dụ 20: Đồng chí Nguyễn Thị T (nữ) sinh tháng 7/1974, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là **59 tuổi 4 tháng - 54 tuổi 4 tháng** (tuổi tại thời điểm đại hội cấp tỉnh tháng 11/2028) = **5 năm** công tác.

¹⁸ Ví dụ 22: Đồng chí Nguyễn Thị D (nữ) sinh tháng 01/1974, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là **59 tuổi 4 tháng - 54 tuổi 4 tháng** (tuổi tại thời điểm đại hội cấp xã tháng 5/2028) = **5 năm** công tác.

Huyện	Sinh từ tháng 6/1971 trở lại đây	Sinh từ tháng 02/1974 trở lại đây ¹⁹
Tỉnh	Sinh từ tháng 9/1971 trở lại đây	Sinh từ tháng 5/1974 trở lại đây ²⁰

(5)- Chức danh lãnh đạo Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2027-2032 (cấp xã tháng 5/2027, cấp huyện tháng 8/2027, cấp tỉnh tháng 10/2027).

Độ tuổi quy hoạch đối với các chức danh cán bộ Đoàn ở các cấp (chờ Ban bí thư Trung ương Đoàn xác định cụ thể cơ bản thực hiện theo nguyên tắc nêu trên, đồng thời bảo đảm đồng bộ với độ tuổi cán bộ Đoàn theo Quyết định số 289-QĐ/TW, ngày 08/02/2010 của Ban Bí thư).

II- Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp đối với đối tượng 2

Độ tuổi quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp đối với đối tượng 2 được xác định: Độ tuổi của đối tượng 1 (của chức danh tương ứng nêu tại Phần I) cộng thêm 5 năm (60 tháng).

III- Tuổi rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm đối với cả 2 đối tượng

Việc xác định độ tuổi rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ kế tiếp và nhiệm kỳ hiện tại tại cơ bản thực hiện như phương pháp tính nêu tại mục 7, phần II của Hướng dẫn. Vào thời điểm rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ kế tiếp, cán bộ phải còn thời gian công tác ít nhất 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với đối tượng 1 và ít nhất 2 nhiệm kỳ (120 tháng) đối với đối tượng 2; đối với rà soát bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, cán bộ phải còn thời gian công tác ít nhất 72 tháng (60 tháng) và ít nhất 120 tháng đối với đối tượng 2.

¹⁹ Ví dụ 23: Đồng chí Nguyễn Thị D (nữ) sinh **tháng 02/1974**, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là **59 tuổi 4 tháng - 54 tuổi 4 tháng** (tuổi tại thời điểm đại hội cấp huyện tháng 6/2028) = **5 năm** công tác.

²⁰ Ví dụ 24: Đồng chí Nguyễn Thị D (nữ) sinh **tháng 5/1974**, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là **59 tuổi 4 tháng - 54 tuổi 4 tháng** (tuổi tại thời điểm đại hội cấp tỉnh tháng 9/2028) = **5 năm** công tác.



PHỤ LỤC 2A: BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM PHIẾU

(Kèm theo Hướng dẫn số 08-HD/BTCTU, ngày 25/4/2022 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy)

[illegible]

TÊN ĐƠN VỊ
.....
*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
....., ngày tháng năm 2022

MẪU BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU
Giới thiệu quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý
Nhiệm kỳ 2025 - 2030, 2026 - 2031
Tại Hội nghị.....
(QUY HOẠCH LẦN ĐẦU)

Hội nghị....., ngày tháng... năm 2022, tại..... đã tiến hành bỏ phiếu giới thiệu nguồn quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý nhiệm kỳ 2025-2030, 2026-2031 của (TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ).....

I. Hội nghị đã bầu Ban kiểm phiếu gồm các đồng chí sau:

1. Đồng chí..... - Trưởng ban.
2. Đồng chí..... - Thư ký.
3. Đồng chí..... - Ủy viên.

Ban kiểm phiếu đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của mình và lập biên bản kiểm phiếu như sau:

- Tổng số đồng chí được mời dự hội nghị: đồng chí.
- Tổng số có mặt dự hội nghị: đồng chí.
- Số phiếu phát ra:phiếu; Số phiếu thu về:.....phiếu;
- Số phiếu hợp lệ:phiếu; Số phiếu không hợp lệ:....phiếu.

II. Kết quả kiểm phiếu cụ thể như sau:

Kết quả kiểm phiếu, theo các chức danh (có danh sách kèm theo):

1. Chức danh : giới thiệu.....đồng chí.
2. Chức danh : giới thiệu.....đồng chí.
3. Chức danh : giới thiệu.....đồng chí.
4. Chức danh : giới thiệu.....đồng chí.

Biên bản được lập thành.....bản, vào lúc.....giờ, ngày.....tháng..... năm 2022.

Trưởng ban kiểm phiếu	Dấu của địa phương (đơn vị)	Thư ký
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)

TÊN ĐƠN VỊ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

....., ngày...tháng... năm 2022

KẾT QUẢ KIỂM PHIẾU

**Giới thiệu quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý nhiệm kỳ 2025 - 2030, 2026-2031
(QUY HOẠCH LẦN ĐẦU)**

Tại Hội nghị:.....

I. CHỨC DANH.....

Số t t	HỌ VÀ TÊN	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ, đơn vị công tác	Kết quả bỏ phiếu				Ghi chú
					Đồng ý		Không đồng ý		
		Nam	Nữ		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	
1									
2									
....									

II. CHỨC DANH.....

Số t t	HỌ VÀ TÊN	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ, đơn vị công tác	Kết quả bỏ phiếu				Ghi chú
		Nam	Nữ		Đồng ý		Không đồng ý		
					Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	
1									
2									
....									

III. CHỨC DANH.....

Số t t	HỌ VÀ TÊN	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ, đơn vị công tác	Kết quả bỏ phiếu				Ghi chú
					Đồng ý		Không đồng ý		
		Nam	Nữ		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	
1									
2									
....									

T/M BAN THƯỜNG VỤ

**CẤP ỦY, TỔ CHỨC ĐẢNG,
CƠ QUAN, ĐƠN VỊ...**

*

(đóng dấu)

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

..., ngày ... tháng ... năm 2022

PHIẾU GIỚI THIỆU/ BIỂU QUYẾT

**Quy hoạch (rà soát, bổ sung quy hoạch hoặc đưa ra khỏi quy hoạch)
các chức danh lãnh đạo, quản lý... nhiệm kỳ ...
(tại Hội nghị.....)**

Căn cứ tiêu chuẩn, điều kiện, cơ cấu, số lượng, ... và phẩm chất đạo đức, năng lực cán bộ; ban thường vụ cấp ủy (tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị)... đề nghị đồng chí cho biết ý kiến giới thiệu (biểu quyết) nhân sự quy hoạch (rà soát, bổ sung hoặc đưa ra khỏi quy hoạch) các chức danh lãnh đạo, quản lý... nhiệm kỳ... và đánh dấu (X) vào ô tương ứng trong danh sách dưới đây:

STT	Họ và tên *	Ngày sinh	Chức vụ, đơn vị công tác hiện nay	Giới thiệu/Biểu quyết	
				Đồng ý	Không đồng ý
I	Chức danh Bí thư				
1	Nguyễn Văn A				
2	...				
II	Chức danh Phó Bí thư				
	...				
III	Chức danh ...				
1	...				

Ý kiến khác (nếu có):.....

.....

NGƯỜI GIỚI THIỆU

(Có thể ký tên hoặc không ký tên)

* Đưa danh sách các đồng chí bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện, được tin nhiệm giới thiệu ở bước trước theo quy định.

**CẤP ỦY (TỔ CHỨC ĐẢNG,
CƠ QUAN, ĐƠN VỊ)...**

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

..., ngày ... tháng ... năm ...

Số *
-QĐ/...

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt quy hoạch (rà soát, bổ sung quy hoạch)
các chức danh cán bộ diện cấp ủy, tổ chức đảng ... quản lý
của cơ quan (đơn vị) ... nhiệm kỳ ...**

- Căn cứ Quy định số ...-QĐ/TU, ngày .../.../... của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của cấp ủy, tổ chức đảng...;

- Căn cứ Quy định số 11-QĐ/TU, ngày 20/4/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác quy hoạch cán bộ;

...

- Xét đề nghị của cơ quan (đơn vị)... (Tờ trình số ...-TTr/..., ngày .../.../...),

BAN THƯỜNG VỤ CẤP ỦY, TỔ CHỨC ĐẢNG ... QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt quy hoạch (rà soát, bổ sung quy hoạch) các chức danh cán bộ diện cấp ủy, tổ chức đảng ... quản lý của cơ quan (đơn vị) ... nhiệm kỳ ... (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Ban Thường vụ cấp ủy, tổ chức đảng ... có trách nhiệm định kỳ rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ theo đúng quy định hiện hành của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác quy hoạch cán bộ; xây dựng kế hoạch và phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ trong danh sách quy hoạch.

Điều 3. Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Thường vụ cấp ủy, tổ chức đảng ... và các đồng chí có tên trong danh sách quy hoạch nêu tại Điều 1 thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3,

...

- Lưu VP, P TCCB.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ (TỔ CHỨC
ĐẢNG, CƠ QUAN, ĐƠN VỊ)**

(Ký tên, đóng dấu)

(Mẫu dành cho các cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy – Phụ lục 3A)

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
Kết quả quy hoạch nguồn Ban Chấp hành Đảng bộ,
Ban Thường vụ.....và các chức danh cán bộ chủ chốt
nhiệm kỳ 2025-2030; 2026-2031

Thực hiện Quy định số ...-QĐ/TU ngày.../4/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ 2025-2030, 2026-2031, Ban Thường vụ..... báo cáo kết quả thực hiện quy hoạch Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ..... và các chức danh cán bộ chủ chốt, nhiệm kỳ 2025-2030, 2026-2031 như sau:

I. CÔNG TÁC TRIỂN KHAI

(Báo cáo công tác triển khai và quy trình thực hiện quy hoạch tại địa phương, đơn vị).

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Quy hoạch nguồn Ban Chấp hành Đảng bộ, nhiệm kỳ 2025-2030:

Tổng số cán bộ được quy hoạch:.... đồng chí, đạt.... lần so với số lượng ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ nhiệm kỳ 2020 - 2025; trong đó:

- **Số cán bộ nữ:**đ/c; đạt....%;

- **Số cán dân tộc thiểu số:**đ/c; đạt....%;

- **Trình độ chuyên môn:**

+ Tiến sĩ:đ/c đạt....%

+ Thạc sĩ:đ/c đạt....%

+ Đại học:đ/c đạt....%

- **Trình độ lý luận chính trị:**

+ Cử nhân, Cao cấp:đ/c đạt....%

+ Trung cấp:đ/c đạt....%

- **Độ tuổi:**

+ Dưới 40 tuổi:đ/c đạt....%

+ Từ 40 đến 50 tuổi:đ/c đạt....%

+ Trên 50 tuổi:đ/c đạt....%

- **Về tiêu chuẩn chính trị:**

Tổng số cán bộ có liên quan đến lịch sử chính trị hoặc chính trị hiện nay là .../...đ/c, trong đó số cán bộ đã được kết luận:....đ/c.

2. Quy hoạch nguồn Ban Thường vụ....., nhiệm kỳ 2025-2030:

Tổng số cán bộ được quy hoạch:.... đồng chí, đạt... lần so với số lượng ủy viên Ban Thường vụ....., nhiệm kỳ 2020 - 2025; trong đó:

- Số cán bộ nữ:đ/c;	đạt....%;
- Số cán dân tộc thiểu số:đ/c;	đạt....%;
- Trình độ chuyên môn:		
+ Tiến sĩ:/....đ/c	đạt....%
+ Thạc sĩ:/....đ/c	đạt....%
+ Đại học:/....đ/c	đạt....%
- Trình độ lý luận chính trị:		
+ Cử nhân, Cao cấp:/....đ/c	đạt....%
+ Trung cấp:/....đ/c	đạt....%
- Độ tuổi:		
+ Dưới 40 tuổi:/....đ/c	đạt....%
+ Từ 40 đến 50 tuổi:/....đ/c	đạt....%
+ Trên 50 tuổi:/....đ/c	đạt....%

3. Quy hoạch chức danh Bí thư....., nhiệm kỳ 2025-2030:

Tổng số cán bộ được quy hoạch:.....đ/c, đạt.... lần so với số lượng quy định; trong đó cán bộ nữ....đ/c, đạt....%.

- Trình độ chuyên môn:		
+ Tiến sĩ:/....đ/c	đạt....%
+ Thạc sĩ:/....đ/c	đạt....%
+ Đại học:/....đ/c	đạt....%
- Trình độ lý luận chính trị:		
+ Cử nhân, Cao cấp:/....đ/c	đạt....%
+ Trung cấp:/....đ/c	đạt....%
- Độ tuổi:		
+ Dưới 40 tuổi:/....đ/c	đạt....%
+ Từ 40 đến 50 tuổi:/....đ/c	đạt....%
+ Trên 50 tuổi:/....đ/c	đạt....%

4. Quy hoạch chức danh Phó Bí thư....., nhiệm kỳ 2025 - 2030:

Tổng số cán bộ được quy hoạch:.....đ/c, đạt.... lần so với số lượng quy định; trong đó cán bộ nữ....đ/c, đạt....%.

- Trình độ chuyên môn:		
+ Tiến sĩ:/....đ/c	đạt....%
+ Thạc sĩ:/....đ/c	đạt....%

+ Đại học:đ/c đạt....%

- Trình độ lý luận chính trị:

+ Cử nhân, Cao cấp:đ/c đạt....%

+ Trung cấp:đ/c đạt....%

- Độ tuổi:

+ Dưới 40 tuổi:đ/c đạt....%

+ Từ 40 đến 50 tuổi:đ/c đạt....%

+ Trên 50 tuổi:đ/c đạt....%

5. Quy hoạch nguồn ủy viên UBKT, nhiệm kỳ 2025 - 2030:

Tổng số cán bộ được quy hoạch:.....đ/c, đạt.... lần so với số lượng quy định; trong đó cán bộ nữ.....đ/c, đạt....%.

- Trình độ chuyên môn:

+ Tiến sĩ:đ/c đạt....%

+ Thạc sĩ:đ/c đạt....%

+ Đại học:đ/c đạt....%

- Trình độ lý luận chính trị:

+ Cử nhân, Cao cấp:đ/c đạt....%

+ Trung cấp:đ/c đạt....%

- Độ tuổi:

+ Dưới 40 tuổi:đ/c đạt....%

+ Từ 40 đến 50 tuổi:đ/c đạt....%

+ Trên 50 tuổi:đ/c đạt....%

6. Quy hoạch chức danh Chủ nhiệm UBKT....., nhiệm kỳ 2025 - 2030:

Tổng số cán bộ được quy hoạch:.....đ/c, đạt.... lần so với số lượng quy định; trong đó cán bộ nữ.....đ/c, đạt....%.

- Trình độ chuyên môn:

+ Tiến sĩ:đ/c đạt....%

+ Thạc sĩ:đ/c đạt....%

+ Đại học:đ/c đạt....%

- Trình độ lý luận chính trị:

+ Cử nhân, Cao cấp:đ/c đạt....%

+ Trung cấp:đ/c đạt....%

- Độ tuổi:

+ Dưới 40 tuổi:/....đ/c	đạt....%
+ Từ 40 đến 50 tuổi:/....đ/c	đạt....%
+ Trên 50 tuổi:/....đ/c	đạt....%

7. Quy hoạch chức danh Phó chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy....., nhiệm kỳ 2025 - 2030:

Tổng số cán bộ được quy hoạch:.....đ/c, đạt.... lần so với số lượng quy định; trong đó cán bộ nữ....đ/c, đạt....%.

- Trình độ chuyên môn:

+ Tiến sĩ:/....đ/c	đạt....%
+ Thạc sĩ:/....đ/c	đạt....%
+ Đại học:/....đ/c	đạt....%

- Trình độ lý luận chính trị:

+ Cử nhân, Cao cấp:/....đ/c	đạt....%
+ Trung cấp:/....đ/c	đạt....%

- Độ tuổi:

+ Dưới 40 tuổi:/....đ/c	đạt....%
+ Từ 40 đến 50 tuổi:/....đ/c	đạt....%
+ Trên 50 tuổi:/....đ/c	đạt....%

8. Quy hoạch chức danh Chủ tịch HĐND nhiệm kỳ 2026 - 2031: (dành cho các huyện ủy, thành ủy)

Tổng số cán bộ được quy hoạch:.....đ/c, đạt.... lần so với số lượng quy định; trong đó cán bộ nữ....đ/c, đạt....%.

- Trình độ chuyên môn:

+ Tiến sĩ:/....đ/c	đạt....%
+ Thạc sĩ:/....đ/c	đạt....%
+ Đại học:/....đ/c	đạt....%

- Trình độ lý luận chính trị:

+ Cử nhân, Cao cấp:/....đ/c	đạt....%
+ Trung cấp:/....đ/c	đạt....%

- Độ tuổi:

+ Dưới 40 tuổi:/....đ/c	đạt....%
+ Từ 40 đến 50 tuổi:/....đ/c	đạt....%
+ Trên 50 tuổi:/....đ/c	đạt....%

9. Quy hoạch chức danh Phó Chủ tịch HĐND, nhiệm kỳ 2026-2031: (dành cho các huyện ủy, thành ủy)

Tổng số cán bộ được quy hoạch:.....đ/c, đạt.... lần so với số lượng quy định; trong đó cán bộ nữ....đ/c, đạt....%.

- Trình độ chuyên môn:

+ Tiến sĩ:/....đ/c	đạt....%
+ Thạc sĩ:/....đ/c	đạt....%
+ Đại học:/....đ/c	đạt....%

- Trình độ lý luận chính trị:

+ Cử nhân, Cao cấp:/....đ/c	đạt....%
+ Trung cấp:/....đ/c	đạt....%

- Độ tuổi:

+ Dưới 40 tuổi:/....đ/c	đạt....%
+ Từ 40 đến 50 tuổi:/....đ/c	đạt....%
+ Trên 50 tuổi:/....đ/c	đạt....%

10. Quy hoạch chức danh Chủ tịch UBND, nhiệm kỳ 2026-2031: (dành cho các huyện ủy, thành ủy)

Tổng số cán bộ được quy hoạch:.....đ/c, đạt.... lần so với số lượng quy định; trong đó cán bộ nữ....đ/c, đạt....%.

- Trình độ chuyên môn:

+ Tiến sĩ:/....đ/c	đạt....%
+ Thạc sĩ:/....đ/c	đạt....%
+ Đại học:/....đ/c	đạt....%

- Trình độ lý luận chính trị:

+ Cử nhân, Cao cấp:/....đ/c	đạt....%
+ Trung cấp:/....đ/c	đạt....%

- Độ tuổi:

+ Dưới 40 tuổi:/....đ/c	đạt....%
+ Từ 40 đến 50 tuổi:/....đ/c	đạt....%
+ Trên 50 tuổi:/....đ/c	đạt....%

11. Quy hoạch chức danh Phó Chủ tịch UBND, nhiệm kỳ 2026-2031: (dành cho các huyện ủy, thành ủy)

Tổng số cán bộ được quy hoạch:.....đ/c, đạt.... lần so với số lượng quy định; trong đó cán bộ nữ....đ/c, đạt....%.

- Trình độ chuyên môn:

+ Tiến sĩ:/....đ/c	đạt....%
+ Thạc sĩ:/....đ/c	đạt....%
+ Đại học:/....đ/c	đạt....%

- Trình độ lý luận chính trị:

+ Cử nhân, Cao cấp:/....đ/c	đạt....%
+ Trung cấp:/....đ/c	đạt....%

- Độ tuổi:

+ Dưới 40 tuổi:/....đ/c	đạt....%
+ Từ 40 đến 50 tuổi:/....đ/c	đạt....%
+ Trên 50 tuổi:/....đ/c	đạt....%

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Thuận lợi:
2. Khó khăn:
3. Kiến nghị (nếu có):

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện công tác quy hoạch cán bộ nguồn Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ và các chức danh chủ chốt nhiệm kỳ 2025-2030, 2026-2031, Ban Thường vụ.....báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ

(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
-

(Mẫu dành cho các đoàn thể chính trị - xã hội - Phụ lục 3B)

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
Kết quả quy hoạch nguồn Ban Thường vụ và các chức danh
cán bộ chủ chốt nhiệm kỳ

Thực hiện Quy định số-QĐ/TU ngày.../4/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ, Ban Thường vụ.....báo cáo kết quả thực hiện quy hoạch nguồn Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và các chức danh cán bộ chủ chốt, nhiệm kỳ như sau:

I. CÔNG TÁC TRIỂN KHAI

(Báo cáo công tác triển khai và quy trình thực hiện quy hoạch tại cơ quan, đơn vị).

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Quy hoạch nguồn Ban chấp hành, nhiệm kỳ

Tổng số cán bộ được quy hoạch:..... đ/c, đạt... lần so với số lượng ủy viên Ban chấp hành nhiệm kỳ *(theo nhiệm kỳ hiện tại của đơn vị)*; trong đó:

- **Số cán bộ nữ:**đ/c; đạt....%;

- **Số cán bộ người dân tộc thiểu số:**đ/c; đạt....%;

- **Trình độ chuyên môn:**

+ Tiến sĩ:/.....đ/c đạt....%

+ Thạc sĩ:/.....đ/c đạt....%

+ Đại học:/.....đ/c đạt....%

- **Trình độ lý luận chính trị:**

+ Cử nhân, Cao cấp:/.....đ/c đạt....%

+ Trung cấp:/.....đ/c đạt....%

- **Độ tuổi:**

+ Dưới 40 tuổi:/.....đ/c đạt....%

+ Từ 40 đến 50 tuổi:/.....đ/c đạt....%

+ Trên 50 tuổi:/.....đ/c đạt....%

- **Về tiêu chuẩn chính trị:**

Tổng số cán bộ có liên quan đến lịch sử chính trị hoặc chính trị hiện nay là .../...đ/c, trong đó số cán bộ đã được kết luận:....đ/c.

2. Quy hoạch nguồn Ban Thường vụ, nhiệm kỳ

Tổng số cán bộ được quy hoạch:..... đ/c, đạt... lần so với số lượng ủy viên Ban Thường vụ nhiệm kỳ (theo nhiệm kỳ hiện tại của đơn vị); trong đó:

- **Số cán bộ nữ:**đ/c; đạt....%;

- **Số cán bộ người dân tộc thiểu số:**đ/c; đạt....%;

- **Trình độ chuyên môn:**

+ Tiến sĩ:/.....đ/c đạt....%

+ Thạc sĩ:/.....đ/c đạt....%

+ Đại học:/.....đ/c đạt....%

- **Trình độ lý luận chính trị:**

+ Cử nhân, Cao cấp:/.....đ/c đạt....%

+ Trung cấp:/.....đ/c đạt....%

- **Độ tuổi:**

+ Dưới 40 tuổi:/.....đ/c đạt....%

+ Từ 40 đến 50 tuổi:/.....đ/c đạt....%

+ Trên 50 tuổi:/.....đ/c đạt....%

- **Về tiêu chuẩn chính trị:**

Tổng số cán bộ có liên quan đến lịch sử chính trị hoặc chính trị hiện nay là .../...đ/c, trong đó số cán bộ đã được kết luận:....đ/c.

3. Quy hoạch chức danh cấp trưởng (Chủ tịch, Bí thư), nhiệm kỳ.....:

Tổng số cán bộ được quy hoạch:....đ/c, đạt....lần; trong đó: cán bộ nữ...đ/c, đạt...%, cán bộ dân tộc thiểu số ...đ/c, đạt...%.

- **Trình độ chuyên môn:**

+ Tiến sĩ:/.....đ/c đạt....%

+ Thạc sĩ:/.....đ/c đạt....%

+ Đại học:/.....đ/c đạt....%

- **Trình độ lý luận chính trị:**

+ Cử nhân, Cao cấp:/.....đ/c đạt....%

+ Trung cấp:/.....đ/c đạt....%

- **Độ tuổi:**

+ Dưới 40 tuổi:/.....đ/c đạt....%

+ Từ 40 đến 50 tuổi:/.....đ/c đạt....%

+ Trên 50 tuổi:/.....đ/c đạt....%

4. Quy hoạch chức danh cấp phó (Phó Bí thư, Phó Chủ tịch), nhiệm kỳ

Tổng số cán bộ được quy hoạch:....đ/c, đạt....lần; trong đó: cán bộ nữ...đ/c, đạt...%, cán bộ dân tộc thiểu số ...đ/c, đạt...%.

- Trình độ chuyên môn:

+ Tiến sĩ:/....đ/c	đạt....%
+ Thạc sĩ:/....đ/c	đạt....%
+ Đại học:/....đ/c	đạt....%

- Trình độ lý luận chính trị:

+ Cử nhân, Cao cấp:/....đ/c	đạt....%
+ Trung cấp:/....đ/c	đạt....%

- Độ tuổi:

+ Dưới 40 tuổi:/....đ/c	đạt....%
+ Từ 40 đến 50 tuổi:/....đ/c	đạt....%
+ Trên 50 tuổi:/....đ/c	đạt....%

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Thuận lợi:
2. Khó khăn:
3. Kiến nghị (nếu có):

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện công tác quy hoạch nguồn Ban chấp hành, Ban Thường vụ và các chức danh chủ chốt nhiệm kỳ....., Ban Thường vụ..... báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ

Nơi nhận:

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
-

(Mẫu dành cho Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy – Phụ lục 3C)

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
Kết quả quy hoạch nguồn Ban Chấp hành Đảng bộ,
Ban Thường vụ.....và các chức danh cán bộ chủ chốt
nhiệm kỳ 2025 - 2030

Thực hiện Quy định số ...-QĐ/TU ngày.../4/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý tỉnh Lâm Đồng nhiệm kỳ 2025 - 2030, Ban Thường vụ..... báo cáo kết quả thực hiện quy hoạch nguồn Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ..... và các chức danh cán bộ chủ chốt, nhiệm kỳ 2025 - 2030 như sau:

I. CÔNG TÁC TRIỂN KHAI

(Báo cáo công tác triển khai và quy trình thực hiện quy hoạch tại địa phương, đơn vị).

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Quy hoạch nguồn Ban Chấp hành Đảng bộ, nhiệm kỳ 2025-2030:

Tổng số cán bộ được quy hoạch:.... đồng chí, đạt.... lần so với số lượng ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ nhiệm kỳ 2020 - 2025; trong đó:

- **Số cán bộ nữ:**đ/c; đạt....%;

- **Số cán dân tộc thiểu số:**đ/c; đạt....%;

- **Trình độ chuyên môn:**

+ Tiến sĩ:đ/c đạt....%

+ Thạc sĩ:đ/c đạt....%

+ Đại học:đ/c đạt....%

- **Trình độ lý luận chính trị:**

+ Cử nhân, Cao cấp:đ/c đạt....%

+ Trung cấp:đ/c đạt....%

- **Độ tuổi:**

+ Dưới 40 tuổi:đ/c đạt....%

+ Từ 40 đến 50 tuổi:đ/c đạt....%

+ Trên 50 tuổi:đ/c đạt....%

- **Về tiêu chuẩn chính trị:**

Tổng số cán bộ có liên quan đến lịch sử chính trị hoặc chính trị hiện nay là .../...đ/c, trong đó số cán bộ đã được kết luận:....đ/c.

2. Quy hoạch nguồn Ban Thường vụ....., nhiệm kỳ 2025-2030:

Tổng số cán bộ được quy hoạch:.... đồng chí, đạt... lần so với số lượng ủy viên Ban Thường vụ....., nhiệm kỳ 2025 - 2030; trong đó:

- **Số cán bộ nữ:**đ/c; đạt....%;

- **Số cán dân tộc thiểu số:**đ/c; đạt....%;

- **Trình độ chuyên môn:**

+ Tiến sĩ: /đ/c đạt....%

+ Thạc sĩ: /đ/c đạt....%

+ Đại học: /đ/c đạt....%

- **Trình độ lý luận chính trị:**

+ Cử nhân, Cao cấp: /đ/c đạt....%

+ Trung cấp: /đ/c đạt....%

- **Độ tuổi:**

+ Dưới 40 tuổi: /đ/c đạt....%

+ Từ 40 đến 50 tuổi: /đ/c đạt....%

+ Trên 50 tuổi: /đ/c đạt....%

3. Quy hoạch chức danh Bí thư....., nhiệm kỳ 2025 - 2030:

Tổng số cán bộ được quy hoạch:.....đ/c, đạt.... lần so với số lượng quy định; trong đó cán bộ nữ.....đ/c, đạt....%.

- **Trình độ chuyên môn:**

+ Tiến sĩ: /đ/c đạt....%

+ Thạc sĩ: /đ/c đạt....%

+ Đại học: /đ/c đạt....%

- **Trình độ lý luận chính trị:**

+ Cử nhân, Cao cấp: /đ/c đạt....%

+ Trung cấp: /đ/c đạt....%

- **Độ tuổi:**

+ Dưới 40 tuổi: /đ/c đạt....%

+ Từ 40 đến 50 tuổi: /đ/c đạt....%

+ Trên 50 tuổi: /đ/c đạt....%

4. Quy hoạch chức danh Phó Bí thư....., nhiệm kỳ 2025 - 2030:

Tổng số cán bộ được quy hoạch:.....đ/c, đạt.... lần so với số lượng quy định; trong đó cán bộ nữ.....đ/c, đạt....%.

- Trình độ chuyên môn:

+ Tiến sĩ: /đ/c	đạt....%
+ Thạc sĩ: /đ/c	đạt....%
+ Đại học: /đ/c	đạt....%

- Trình độ lý luận chính trị:

+ Cử nhân, Cao cấp: /đ/c	đạt....%
+ Trung cấp: /đ/c	đạt....%

- Độ tuổi:

+ Dưới 40 tuổi: /đ/c	đạt....%
+ Từ 40 đến 50 tuổi: /đ/c	đạt....%
+ Trên 50 tuổi: /đ/c	đạt....%

5. Quy hoạch nguồn ủy viên UBKT, nhiệm kỳ 2025 - 2030:

Tổng số cán bộ được quy hoạch:.....đ/c, đạt.... lần so với số lượng quy định;
trong đó cán bộ nữ....đ/c, đạt....%.

- Trình độ chuyên môn:

+ Tiến sĩ: /đ/c	đạt....%
+ Thạc sĩ: /đ/c	đạt....%
+ Đại học: /đ/c	đạt....%

- Trình độ lý luận chính trị:

+ Cử nhân, Cao cấp: /đ/c	đạt....%
+ Trung cấp: /đ/c	đạt....%

- Độ tuổi:

+ Dưới 40 tuổi: /đ/c	đạt....%
+ Từ 40 đến 50 tuổi: /đ/c	đạt....%
+ Trên 50 tuổi: /đ/c	đạt....%

6. Quy hoạch chức danh Chủ nhiệm UBKT....., nhiệm kỳ 2025 - 2030:

Tổng số cán bộ được quy hoạch:.....đ/c, đạt.... lần so với số lượng quy định;
trong đó cán bộ nữ....đ/c, đạt....%.

- Trình độ chuyên môn:

+ Tiến sĩ: /đ/c	đạt....%
+ Thạc sĩ: /đ/c	đạt....%
+ Đại học: /đ/c	đạt....%

- Trình độ lý luận chính trị:

+ Cử nhân, Cao cấp: / đ/c	đạt....%
+ Trung cấp: / đ/c	đạt....%
- Độ tuổi:		
+ Dưới 40 tuổi: / đ/c	đạt....%
+ Từ 40 đến 50 tuổi: / đ/c	đạt....%
+ Trên 50 tuổi: / đ/c	đạt....%

7. Quy hoạch chức danh Phó chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra....., nhiệm kỳ 2025 - 2030:

Tổng số cán bộ được quy hoạch:.....đ/c, đạt.... lần so với số lượng quy định; trong đó cán bộ nữ....đ/c, đạt....%.

- Trình độ chuyên môn:

+ Tiến sĩ: / đ/c	đạt....%
+ Thạc sĩ: / đ/c	đạt....%
+ Đại học: / đ/c	đạt....%

- Trình độ lý luận chính trị:

+ Cử nhân, Cao cấp: / đ/c	đạt....%
+ Trung cấp: / đ/c	đạt....%

- Độ tuổi:

+ Dưới 40 tuổi: / đ/c	đạt....%
+ Từ 40 đến 50 tuổi: / đ/c	đạt....%
+ Trên 50 tuổi: / đ/c	đạt....%

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Thuận lợi:
2. Khó khăn:
3. Kiến nghị (nếu có):

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện công tác quy hoạch cán bộ nguồn Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ và các chức danh chủ chốt nhiệm kỳ 2025-2030, Ban Thường vụ.....báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
-

(Mẫu danh cho các sở, ban, ngành, ...- Phụ lục 3D)

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
Kết quả quy hoạch nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý
Giai đoạn 2026 - 2031

Thực hiện Quy định số ... -QĐ/TU ngày.../4/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý tỉnh Lâm Đồng nhiệm kỳ 2026-2031, Sở (ban)..... báo cáo kết quả thực hiện quy hoạch các chức danh Giám đốc, phó Giám đốc sở, giai đoạn 2026 - 2031, cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC TRIỂN KHAI

(Báo cáo công tác triển khai và quy trình thực hiện quy hoạch tại cơ quan, đơn vị).

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Quy hoạch chức danh Giám đốc:

Tổng số cán bộ được quy hoạch:.... đ/c; trong đó cán bộ nữ... đ/c, đạt.... %.

- Trình độ chuyên môn:

+ Tiến sĩ:/....đ/c	đạt....%
+ Thạc sĩ:/....đ/c	đạt....%
+ Đại học:/....đ/c	đạt....%

- Trình độ lý luận chính trị:

+ Cử nhân, Cao cấp:/....đ/c	đạt....%
+ Trung cấp:/....đ/c	đạt....%

- Độ tuổi:

+ Dưới 40 tuổi:/....đ/c	đạt....%
+ Từ 40 đến 50 tuổi:/....đ/c	đạt....%
+ Trên 50 tuổi:/....đ/c	đạt....%

- Về tiêu chuẩn chính trị:

Tổng số cán bộ có liên quan đến lịch sử chính trị hoặc chính trị hiện nay là .../...đ/c, trong đó số cán bộ đã được kết luận:....đ/c.

2. Quy hoạch chức danh Phó Giám đốc:

Tổng số cán bộ được quy hoạch:.... đ/c, đạtlần so với số lượng quy định; trong đó cán bộ nữ... đ/c, đạt.... %.

- Trình độ chuyên môn:

+ Tiến sĩ:/....đ/c	đạt....%
------------	--------------	----------

+ Thạc sĩ:đ/c đạt....%

+ Đại học:đ/c đạt....%

- Trình độ lý luận chính trị:

+ Cử nhân, Cao cấp:đ/c đạt....%

+ Trung cấp:đ/c đạt....%

- Độ tuổi:

+ Dưới 40 tuổi:đ/c đạt....%

+ Từ 40 đến 50 tuổi:đ/c đạt....%

+ Trên 50 tuổi:đ/c đạt....%

- Về tiêu chuẩn chính trị:

Tổng số cán bộ có liên quan đến lịch sử chính trị hoặc chính trị hiện nay làđ/c, trong đó số cán bộ đã được kết luận:.....đ/c.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Thuận lợi:

2. Khó khăn:

3. Kiến nghị (nếu có):

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2026 - 2031, Sở.....báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;

- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;

-.....

TÊN ĐƠN VỊ

.....

*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

....., ngày tháng năm 2022

Phục lục 4

TỜ TRÌNH

**Về việc đề nghị phê duyệt quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý
Nhiệm kỳ 2025 - 2030, 2026-2031
(quy hoạch lần đầu)**

Kính gửi: Cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch.....

I. Nêu căn cứ xây dựng quy hoạch cán bộ; tóm tắt về việc thực hiện quy trình xây dựng quy hoạch cán bộ.

Nêu nhu cầu đề nghị phê duyệt quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý.

II. Căn cứ vào kết quả tín nhiệm giới thiệu quy hoạch cán bộ (*có biên bản kèm theo*), TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ.....đề nghị Ban Thường vụ Tỉnh uỷ xem xét, phê duyệt quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý nhiệm kỳ 2025- 2030, 2026-2031 (quy hoạch lần đầu) đối với các chức danh sau:

A. Chức danh.....

1. Đồng chí, năm sinh, chức vụ hiện nay;
2. Đồng chí, năm sinh, chức vụ hiện nay;
3. Đồng chí, năm sinh, chức vụ hiện nay;
4. Đồng chí, năm sinh, chức vụ hiện nay;

B. Chức danh.....

1. Đồng chí, năm sinh, chức vụ hiện nay;
2. Đồng chí, năm sinh, chức vụ hiện nay;
3. Đồng chí, năm sinh, chức vụ hiện nay;
4. Đồng chí, năm sinh, chức vụ hiện nay;

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ.....đề nghị Ban Thường vụ

Tỉnh uỷ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

-;
-;
- Lưu.....

T/M BAN THƯỜNG VỤ
(ĐẢNG ĐOÀN, THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ)
(Ký, ghi rõ họ tên)

TÊN ĐƠN VỊ

ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM

....., ngày...tháng... năm 2022

**PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG
NGUỒN QUY HOẠCH CÁN BỘ LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ NHIỆM KỲ 2025 - 2030, 2026-2031
(QUY HOẠCH LẦN ĐẦU)**

Phụ lục 6

Số t t	CHỨC DANH QUY HOẠCH	Tổng số	Tuổi bình quân	Cán bộ trẻ	Cán bộ dân tộc	Trong các tôn giáo	Đảng viên	Trình độ phổ thông	CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ						LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ				
									Chưa qua đào tạo	Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Thạc sỹ	Tiến sỹ	Chưa qua đào tạo	Sơ cấp	Trung cấp	Cao cấp	Cử nhân
I. CHỨC DANH.....																			
1	Số lượng																		
2	Tỷ lệ %																		
II. CHỨC DANH.....																			
1	Số lượng																		
2	Tỷ lệ %																		
III. CHỨC DANH.....																			
1	Số lượng																		
2	Tỷ lệ %																		

T/M BAN THƯỜNG VỤ

TÊN ĐỊA PHƯƠNG (CƠ QUAN, ĐƠN VỊ)

.....

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
....., ngày tháng năm 2022

Phụ lục 7

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ GIAI ĐOẠN 2025 - 2030, 2026-2031
(Dành cho cán bộ có trong nguồn quy hoạch lần đầu)

Số t t	HỌ VÀ TÊN	Ngày, tháng, năm sinh		Năm vào biên chế	Chức vụ, đơn vị công tác	Chức danh quy hoạch	Trình độ đào tạo hiện nay					Nhu cầu đăng ký đào tạo, bồi dưỡng (Từ cột 12-21: ghi thời gian đăng ký đào tạo, bồi dưỡng)									
		Nam	Nữ				Chuyên môn	Lý luận chính trị	Ngoại ngữ	Tin học	Quản lý nhà nước	Chuyên môn			Lý luận chính trị			Ngoại ngữ	Tin học	Quản lý nhà nước	Bồi dưỡng khác
												Trung cấp	ĐH, CD	Cao học, NCS	Trung cấp	Cao cấp	Cử nhân				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
1																					
2																					
3																					
...																					
TỔNG CỘNG:																					

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

.....

[illegible]

TÊN ĐƠN VỊ

.....

*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

....., ngày tháng năm 2022

Phụ lục 9

**BẢN TÓM TẮT
NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ CÁN BỘ QUY HOẠCH**

- Căn cứ vào Quy định số 02-QĐ/TU, ngày 31/10/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về việc ban hành quy định về phân cấp quản lý cán bộ;

- Căn cứ.....

- Căn cứ vào Bản tự kiểm điểm cá nhân, kết luận của cấp uỷ đảng, thủ trưởng cơ quan, nhận xét cán bộ, đảng viên nơi cư trú;

- Căn cứ vào quá trình theo dõi, quản lý cán bộ,

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ.....nhận xét đánh giá:

Đồng chí..... Sinh ngày.....tháng.....năm.....

Quê quán:

Nơi ở hiện nay:

Trình độ: + Học vị, học hàm:/.....

+ Chuyên môn:.....

+ Lý luận chính trị:.....

Ngày vào Đảng:.....; Chính thức:.....

Chức vụ, đơn vị công tác:.....

1. Ưu điểm: Tập trung vào những nội dung sau:

+ *Phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, ý thức tổ chức kỷ luật, đoàn kết nội bộ:*
Nhận thức, tư tưởng chính trị; việc chấp hành chủ trương, đường lối và quy chế, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; việc giữ gìn đạo đức và lối sống lành mạnh; chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và những biểu hiện tiêu cực khác; tinh thần học tập nâng cao trình độ; tính trung thực, ý thức tổ chức kỷ luật; tinh thần tự phê bình và phê bình; giữ gìn đoàn kết, quan hệ trong công tác; mối quan hệ, tinh thần và thái độ phục vụ nhân dân.

+ *Năng lực công tác và kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao:* Mức độ thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao: thể hiện ở khối lượng, chất lượng, tiến độ, hiệu quả của công việc trong từng vị trí, từng thời gian; tinh thần trách nhiệm trong công tác; khả năng đoàn kết, quy tụ, phát huy sức mạnh của tập thể; năng lực điều hành, tổ chức thực hiện.

+ *Uy tín và triển vọng phát triển*: thể hiện thông qua việc lấy phiếu tín nhiệm hằng năm và kết quả đánh giá cán bộ, khả năng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ khi được bổ trí vào chức vụ quy hoạch.

2. Khuyết điểm:

.....

3. Đánh giá:

- Đảng viên đạt mức:

- Cán bộ đạt mức:

4. Hướng sử dụng:

a) Phát triển bổ trí nhiệm vụ cao hơn: ☐

b) Ổn định công tác như hiện nay: ☐

c) Chuyển công tác khác: ☐

d) Ý kiến đề xuất khác: ☐

T/M.....

(Ký, ghi rõ họ tên)

Nơi nhận:

-.....

-.....